**PHỤ LỤC I**

BIỂU MẪU VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Biểu mẫu** | **Số hiệu** |
| 1 | Thông báo tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu | 01/TXNK |
| 2 | Công văn đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt | 02/TXNK |
| 3 | Công văn đề nghị hoàn thuế | 03/TXNK |
| 4 | Thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ/thu hồi số tiền thuế đã hoàn | 04/TXNK |
| 5 | Thông báo bổ sung/chuyển loại hồ sơ | 05/TXNK |
| 6 | Thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/... | 06/TXNK |
| 7 | Quyết định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế | 07/TXNK |
| 8 | Biên bản công bố Quyết định kiểm tra | 08/TXNK |
| 9 | Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế | 09/TXNK |
| 10 | Biên bản kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế | 10/TXNK |
| 11 | Kết luận kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế | 11/TXNK |
| 12 | Biên bản làm việc về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu | 12/TXNK |
| 13 | Quyết định hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 13/TXNK |
| 14 | Công văn đề nghị không thu thuế | 14/TXNK |
| 15 | Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu | 15/TXNK |
| 16 | Công văn đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt | 16/TXNK |

**Mẫu số 01/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/TB-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**THÔNG BÁO**

**Về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu**

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính,(1)

Chi cục Hải quan ……………………… (2) thông báo: ……………………….(3) còn nộp thiếu tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai số... ngày… tháng... năm... đăng ký tại.../Quyết định số... ngày... tháng... năm... là: ……………… đồng.

1. Nội dung thông báo về số tiền thuế còn thiếu:

- Số tiền thuế phải nộp/bảo lãnh: ……………..đồng;

- Số tiền thuế đã nộp: ……………đồng;

- Số tiền thuế còn thiếu: ……………đồng, chi tiết bao gồm các khoản thuế phải nộp như sau:

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Sắc thuế** | **Số tiền** |
| 1 | Thuế xuất khẩu |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 4 | Thuế giá trị gia tăng |  |
| … | … |  |
|  | **Tổng cộng** |  |

2. Nội dung thông báo về số tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu:

- Tổng số tiền thuế chậm nộp/bị phạt: ……………đồng;

- Số ngày chậm nộp/bị phạt: …………………ngày;

- Mức tính tiền chậm nộp/bị phạt: ……………..

- Tổng số tiền chậm nộp/tiền phạt phải nộp: ………………..đồng;

- Số tiền chậm nộp/tiền phạt đã nộp: …………………..đồng;

- Số tiền chậm nộp/tiền phạt còn thiếu: ……………………đồng.

Đề nghị ………………….(3) nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt trên vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Chi cục Hải quan ……………………..(2) thông báo để ………………(3) biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh); - Lưu: VT, ... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(2) Tên cơ quan hải quan ra thông báo.

(3) Tên người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh).

**Mẫu số 02/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC(1) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… V/v đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt | *….., ngày … tháng … năm…* |

Kính gửi: ………………………. (2)

Căn cứ Điều 62, Điều 64, Điều 65 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(3)

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(3)

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính;(3)

…………………….. (4), mã số thuế ………………, địa chỉ …………………… đang có nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai số... ngày... tháng... năm... đăng ký tại... (hoặc Quyết định ấn định thuế số... ngày... tháng... năm…).(5)

Đề nghị …………………………(2) cho ………………….. (4) được gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, cụ thể:

1. Số tiền đề nghị gia hạn: …………………. (*Bằng chữ*:...)

2. Thời gian đề nghị gia hạn: ……………………………

3. Lý do đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt: ……………………

Hồ sơ, tài liệu kèm theo: … (6)

………………………. (4) cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ... | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  (hoặc NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết gia hạn.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Tên người nộp thuế.

(5) Trường hợp số tiền nợ thuộc nhiều tờ khai, Quyết định ấn định thuế thì lập bảng kê đính kèm.

(6) Liệt kê tài liệu theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.

**Mẫu số 03/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC(1) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… V/v đề nghị hoàn thuế | *….., ngày … tháng … năm…* |

Kính gửi: ………………………….(2)

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn thuế**

1. Tên người nộp thuế: ……………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: …/…/… Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ……………………………

Địa chỉ: ………………………………….

Quận/huyện: ………………….. Tỉnh/thành phố: ………………………………………………..

Điện thoại: …………………Fax (nếu có): ................... Email (nếu có): ................................

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: …/.../… Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ……………………………

Địa chỉ: …………………………………

Quận/huyện: ……………………Tỉnh/thành phố: …………………………………..

Điện thoại: …………….Fax (nếu có): ...          Email (nếu có): ...............................

Hợp đồng đại lý hải quan số:………………………. ngày …………………………….

**II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước**

1. Thông tin về tiền thuế đề nghị hoàn trả:

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại thuế** | **Thông tin tờ khai hải quan/tờ khai hải quan bổ sung** | | **Thông tin Quyết định ấn định thuế** | | **Số tiền thuế đã nộp vào tài khoản** | | **Số tiền thuế đề nghị** | | |
| **Số tờ khai** | **Ngày tờ khai** | **Số Quyết định** | **Ngày Quyết định** | **Thu Ngân sách Nhà nước** | **Tài khoản tiền gửi** | **Bù trừ số tiền thuế, thu khác còn nợ** | **Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp** | **Hoàn trả trực tiếp** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | | |  |  |  |  |  |

*(Bằng chữ:...)*

2. Lý do đề nghị hoàn thuế: …………………(3)

3. Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế:

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

□ Có, số chứng từ thanh toán: …………………………

□ Không.

3.2. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến:

□ Có.

□ Không.

3.3. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất:

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam: ………………………………………..

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa: …………………………………..

c) Thực hiện theo hình thức thuê:

□ Có.

□ Không.

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn:(4)

□ Có.

□ Không.

4. Hình thức hoàn trả:

4.1. Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ *(cột 9)* thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.2. Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp *(cột 10)* thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.3. Hoàn trả trực tiếp *(cột 11)*:

Số tiền hoàn trả: Bằng số: …………………………..

                         Bằng chữ: …………………………..

Trong đó: □ Chuyển khoản: Tài khoản số: …………………….Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước) …………………..

□ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước …………………………………

Hồ sơ, tài liệu kèm theo: ………………………..(5)

Tổ chức/cá nhân cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN**  Họ và tên:...  Chứng chỉ hành nghề số:... | **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

***Ghi chú:***

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế.

(5) Liệt kê tài liệu kèm theo.

**Mẫu số 04/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/TB-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**THÔNG BÁO**

**V/v tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ/thu hồi số tiền thuế đã hoàn**

Kính gửi: …………………(1)

(*Địa chỉ:* ……………………)

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(2)

Căn cứ Điều… Luật...;(2)

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(2)

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày… của Bộ Tài chính;(2)

Căn cứ...,(2)

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………………..thông báo:

1. Tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ ……………..(3) số... ngày…của ……………. (1), mã số thuế ………………….

Lý do không tiếp nhận hồ sơ: …………………… (4)

Thành phần hồ sơ gồm:

Thời gian nhận hồ sơ:

2. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế:(5)

a) Kết quả phân loại hồ sơ:

□ Hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

□ Kiểm tra trước, hoàn thuế sau,

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ: ………………………………….

3. Trường hợp thông báo thu hồi số tiền thuế đã hoàn:(6)

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan …………………… thông báo thu hồi số tiền thuế đã hoàn theo Quyết định số... ngày... của ... với số tiền ……………

Lý do thu hồi số tiền thuế đã hoàn: …………………..

4. Trường hợp thông báo số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án: …………………………(7)

Nếu …………….(1) có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………. để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ: ………………………………….

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………………thông báo để …………… (1) được biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Bộ phận có liên quan; - Lưu: VT, ... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(3) Ghi rõ loại hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.

(4) Ghi rõ lý do không tiếp nhận.

(5) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế:

- Đánh dấu (x) vào ô kết quả phân loại hồ sơ

- Ghi rõ thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định pháp luật

(6) Trường hợp thông báo thu hồi số tiền thuế đã hoàn, ghi rõ lý do thu hồi tiền thuế đã hoàn, chi tiết số tiền thuế phải thu hồi theo từng tờ khai, từng loại thuế.

(7) Trường hợp thông báo số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án, ghi chi tiết số tiền thuê theo từng tờ khai, từng loại thuế.

**Mẫu số 05/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/TB-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc bổ sung/chuyển loại hồ sơ... (1)**

Kính gửi: ………………….. (2)

*(Địa chỉ: …………………………..)*

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………………….. nhận được công văn số... ngày... của …………………..(2), mã số thuế ………………………..về việc ………………….. và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ khoản 3 Điều 72, Điều 75 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(3)

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(3)

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính;(3)

Căn cứ…..,(3)

1. Trường hợp bổ sung/giải trình:

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ………………….đề nghị …………………  (2) bổ sung hồ sơ tài liệu (hoặc giải trình) như sau: ……………………….(4)

Thời hạn bổ sung hồ sơ (hoặc giải trình) là: ... ngày kể từ ngày cơ quan hải quan phát hành thông báo này.

2. Trường hợp chuyển loại hồ sơ:

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………….. thông báo chuyển loại hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước sang hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước tại trụ sở người nộp thuế đối với: ……………………….

Lý do chuyển loại hồ sơ: …………………………….

Thời gian dự kiến kiểm tra: …………………………..

Nội dung kiểm tra: ……………………..

Nếu ………………….(2) có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan …………………….. để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ: …………………

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………….. thông báo để ……………… (2) được biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ phận có liên quan; - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng hoặc chuyển hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước sang hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước tại trụ sở người nộp thuế.

(2) Tên người nộp thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng. Trường hợp chuyển loại hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước sang hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước tại trụ sở người nộp thuế, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 73 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

(4) Ghi chi tiết tài liệu cần bổ sung/các nội dung cần giải trình.

**Mẫu số 06/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/TB-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa(1)**

Kính gửi: ……………………….(2)

*(Địa chỉ: ………………)*

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan …………………. nhận được công văn số... ngày... của ………………….(2), mã số thuế ……………… về việc…………………… và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Điều... Luật.. .;(3)

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(3)

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số....ngày... của Bộ Tài chính;(3)

Căn cứ…..,(3)

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………….. thông báo:

Hồ sơ ………………..(4) của ……………….(2) không thuộc trường hợp/đối tượng được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/...

Lý do: …………………………

Nếu ………………….,(2) có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………… để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ: ………………..

Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan/Chi cục Hải quan …………………… thông báo để ……………. (2) được biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ phận có liên quan; - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.

(2) Tên người nộp thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng,

(4) Ghi rõ loại hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.

**Mẫu số 07/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/QĐ-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc kiểm tra tại trụ sở ……………… (1)**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH (2)**

*Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14(3)*

*Căn cứ Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;(3)*

*Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số.... ngày... của Bộ Tài chính;(3)*

*Căn cứ Quyết định số… ngày... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan/Chi cục Hải quan….;*

*Căn cứ công văn số... ngày... của ………(1) về việc …….(4);*

*Theo đề nghị của...,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với: ……………….. (1)

- Mã số thuế: ………………………

- Địa chỉ: …………………………

- Lý do kiểm tra: ……………………..

- Phạm vi kiểm tra: ……………………

- Nội dung kiểm tra: ……………………….

**Điều 2.** Thành lập Đoàn kiểm tra gồm các ông (bà):

- Ông (bà)...              - Chức vụ ...                        Trưởng đoàn;

- Ông (bà)...              - Chức vụ ...                         Thành viên;

- Ông (bà)...              - Chức vụ ...                         Thành viên;

- …..

Thời hạn kiểm tra là 05 ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 112 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Người nộp thuế có quyền theo quy định tại Điều 111 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp, cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ……………(1) và các ông (bà) có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - Lưu: VT, ... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Cục trưởng Cục Hải quan/Chi cục trưởng Chi cục Hải quan/...

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Hoàn thuế/không thu thuế/giảm thuế/...

**Mẫu số 08/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN BAN HÀNHQUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA **ĐOÀN KIỂM TRA -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**BIÊN BẢN**

**Công bố Quyết định kiểm tra**

Căn cứ Quyết định số... ngày... của ……………..(1) về việc kiểm tra tại trụ sở …………….(2) mã số thuế ………, địa chỉ ……………;

Hôm nay, hồi ...giờ... ngày... tháng... năm... tại …………….

Chúng tôi gồm:

**I. Đoàn kiểm tra thuế**

- Ông (bà) ...               - Chức vụ ...               Trưởng đoàn;

- Ông (bà)...                - Chức vụ ...               Thành viên;

- Ông (bà) ...               - Chức vụ ...               Thành viên;

- …..

**II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế)**

Ông (bà): ...           CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Chức vụ: ...           Đại diện cho ...

Ông (bà): ...        CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:…………..

Chức vụ: ...

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn kiểm tra công bố nội dung Quyết định số... ngày... của …………..(1) về việc kiểm tra tại trụ sở ………………. (2)

Sau khi đọc lại biên bản, các bên đã nhất trí thông qua và cùng ký xác nhận dưới đây.

Trường hợp có ý kiến bổ sung khác: ………………(3)

Biên bản này gồm có ... trang, được lập thành ... bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã giao cho đại diện người nộp thuế 01 (một) bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)* | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Cục trưởng Cục Hải quan/Chi cục trưởng Chi cục Hải quan...

(2) Tên người nộp thuế.

(3) Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do, ký và ghi rõ họ tên

**Mẫu số 09/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/QĐ-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra tại trụ sở ……………. (1)**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH(2)**

*Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(3)*

*Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(3)*

*Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số… ngày… của Bộ Tài chính;(3)*

*Căn cứ Quyết định số.... ngày... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan/Chi cục Hải quan...;*

*Căn cứ Quyết định số… ngày... của... về việc kiểm tra tại trụ sở …………..(1);*

*Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo Quyết định số... ngày.... của... về việc kiểm tra tại trụ sở ……………(1), mã số thuế ………….., địa chỉ ………..

Thời gian gia hạn là ... ngày làm việc, kể từ ngày.../.../... đến ngày .../.../...

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ………….(1) và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 2; - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Cục trưởng Cục Hải quan/Chi cục trưởng Chi cục Hải quan/...

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

**Mẫu số 10/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/BB-… |  |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Tại trụ sở ……………..(1)**

Thực hiện Quyết định số... ngày... của... về việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, từ ngày... tháng... năm… đến ngày… tháng... năm... Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ………………… đã tiến hành kiểm tra tại trụ sở ……….. (1), mã số thuế ……………….., địa chỉ ……… về việc ……… để làm rõ các nội dung liên quan đến đề nghị …………theo công văn ……………. (2) số... ngày... của ……………….(1)

**I. Thành phần Đoàn kiểm tra:**

- Ông (bà) ...               - Chức vụ ...               Trưởng đoàn;

- Ông (bà)...                - Chức vụ ...               Thành viên;

- Ông (bà) ...               - Chức vụ ...               Thành viên;

- …..

**II. Đại diện …………………(1)**

- Ông (bà) ... - Chức vụ ...

- Ông (bà) ... - Chức vụ ...

- Ông (bà) ... - Chức vụ ...

- …

**III. Kết quả kiểm tra như sau:**

1. Thời gian kiểm tra: ………………………..

2. Phạm vi kiểm tra: …………………………..

3. Kết quả kiểm tra:(3)

3.1) Kiểm tra về …………………

3.2) Kiểm tra về …………………

3.3) Kiểm tra về …………………

4. Ý kiến của Đoàn kiểm tra về số tiền thuế người nộp thuế đề nghị hoàn thuế/không thu thuế/...: ………………..

5. Ý kiến của người nộp thuế về những nội dung đã kiểm tra của cơ quan hải quan (nếu có): …..

Biên bản kết thúc vào hồi ...giờ... ngày... tháng... năm...

Biên bản này đã được đọc lại cho các bên cùng nghe công nhận là đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

Biên bản này gồm có ... trang, được lập thành ... bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã giao cho đại diện người nộp thuế 01 (một) bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | **NGƯỜI GHI BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Ghi rõ loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế/...

(3) Nêu rõ từng nội dung kiểm tra; phương pháp kiểm tra; kết quả kiểm tra có hay không phù hợp với đề nghị hoàn thuế/không thu thuế/... của người nộp thuế; ý kiến của đoàn kiểm tra.

**Mẫu số 11/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/KL-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

**KẾT LUẬN KIỂM TRA**

**Tại trụ sở………………..(1)**

Đoàn kiểm tra của... đã tiến hành kiểm tra tại ……………..(1) từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Căn cứ Biên bản kiểm tra số... ngày... của... theo Quyết định số... ngày... của... kết luận kiểm tra như sau:

**I. Thông tin về người nộp thuế:**

- Tên người nộp thuế: ……………….. Mã số thuế: …………….. Địa chỉ: ………………….

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….. ngày...do …………. cấp.

- Hình thức hạch toán kế toán: …………………

- Tài khoản số: …………… mở tại Ngân hàng (hoặc tổ chức tín dụng) …………………

- Các đơn vị thành viên (nếu có); các chi nhánh: …………………..(2)

**II. Kết quả kiểm tra:**(3)

1. Về hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế/...: ………………….

2. Về ghi chép hóa đơn, chứng từ, hạch toán kế toán: ………………

3. Về điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/...: …………………..

4. Về ……………………..

**III. Kết luận kiểm tra:**(4)

- Trường hợp đủ điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/... thì phải ghi rõ số tiền.

- Trường hợp không đủ điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/... phải ghi rõ số tiền và lý do không được hoàn thuế/không thu thuế/...

- Trường hợp ấn định thuế phải nêu rõ căn cứ pháp lý, số tiền thuế ấn định, yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Ngân sách Nhà nước khi có quyết định xử lý của cơ quan hải quan.

- Trường hợp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá hạn yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm phải kết luận rõ về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó.

- Trường hợp người nộp thuế có sai sót về thủ tục hải quan, hạch toán kế toán, hóa đơn chứng từ yêu cầu người nộp thuế khắc phục kịp thời.

- Kết luận rõ các nội dung khác (nếu có)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Người nộp thuế; - Trưởng đoàn kiểm tra; - …..; - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Ghi rõ nơi đóng trụ sở tại thời điểm kiểm tra.

(3) Ghi rõ Điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật áp dụng; đánh giá cụ thể về từng nội dung kiểm tra; ghi rõ đủ điều kiện/không đủ điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/...

(4) Các nội dung kết luận phải ghi rõ các Điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

**Mẫu số 12/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/BB-… |  |

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu**

Hôm nay, hồi ...giờ... ngày... tháng... năm... tại... Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ……………. đã làm việc với ………………(1) mã số thuế ……………………. về việc giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến đề nghị ……………… (2)

**I. Thành phần làm việc**

1. Đại diện Cục Hải quan/Chi cục Hải quan ………………….

- Ông (bà) ... Chức vụ ...

- Ông (bà) ... Chức vụ ...

2. Đại diện………………..  (1)

- Ông (bà) ... Chức vụ ...

- Ông (bà) ... Chức vụ ...

**II. Nội dung làm việc(3)**

1. Về việc giải trình: ...........................

2. Về việc cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu: …………………..

3. Về nội dung khác (nếu có): ………………………..

**III. Ý kiến của cơ quan hải quan(4)**

………………….

Buổi làm việc kết thúc vào hồi ...giờ... ngày... tháng... năm...

Biên bản này đã được đọc lại cho các bên cùng nghe công nhận là đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

Biên bản này gồm có … trang, được lập thành ... bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã giao cho đại diện người nộp thuế 01 (một) bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | **NGƯỜI GHI BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.

(3) Nêu rõ ý kiến của các bên; nội dung giải trình của người nộp thuế; các tài liệu đã được bổ sung và kết quả của buổi làm việc.

(4) Nêu rõ đủ/chưa đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ để miễn thuế/hoàn thuế/không thu thuế/... Ý kiến của người nộp thuế (nếu có).

**Mẫu số 13/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/QĐ-… | *….., ngày … tháng … năm…* |

|  |
| --- |
| Mã số quản lý hải quan(1) |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH(2)**

*Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(3)*

*Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(3)*

*Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính;(3)*

*Căn cứ …; (3)*

*Theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế của ………………… (4), mã số thuế ………….., địa chỉ …………….. và tờ trình số... ngày... của …………………….,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hoàn trả số tiền thuế/không thu thuế theo tờ khai số... ngày...(5) cho ………………….(4), mã số thuế ………………, địa chỉ ………………….với số tiền như sau:

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **LOẠI THUẾ** | **SỐ TIỀN** |
| 1 | Thuế xuất khẩu |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |
| 3 | Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp |  |
| 4 | Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | Thuế giá trị gia tăng |  |
|  | **Tổng cộng** |  |

*(Bằng chữ:...)*

**Điều 2.** Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước theo tờ khai/Quyết định số... ngày... cho …………….. (4), mã số thuế ……………….. tại Kho bạc Nhà nước:(6)

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền bù trừ** |
| 1 | Thuế xuất khẩu |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |
| 3 | Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/ thuế chống trợ cấp |  |
| 4 | Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | Thuế giá trị gia tăng |  |
| 7 | Tiền chậm nộp thuế |  |
| 8 | Tiền phạt vi phạm hành chính |  |
| 9 | Khác |  |
|  | **Tổng cộng** |  |

*(Bằng chữ....)*

**Điều 3.** Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:(7)

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền được hoàn** |
| 1 | Thuế xuất khẩu |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |
| 3 | Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp |  |
| 4 | Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | Thuế giá trị gia tăng |  |
| 7 | Tiền chậm nộp thuế |  |
| 8 | Tiền phạt vi phạm hành chính |  |
| 9 | Khác |  |
|  | **Tổng cộng** |  |

*(Bằng chữ:...)*

Hình thức hoàn trả:

□ Chuyển khoản: Số tài khoản: ... Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)...

□ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước ...

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ……………..(4) mã số thuế …………….. và các bộ phận nghiệp vụ …………… (8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Cơ quan thuế; - Kho bạc Nhà nước; - ……… - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Công chức xử lý hồ sơ thực hiện cấp mã số quản lý hải quan theo cấu trúc: Mã Chi cục Hải quan/số thứ tự/Năm/Mã hoàn thuế/Mã loại hình tờ khai. Mã hoàn thuế trước, kiểm tra sau ghi HT01; mã kiểm tra trước, hoàn thuế sau ghi HT02.

(2) Ghi chức danh của người có thẩm quyền quyết định hoàn thuế/không thu thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Tên người nộp thuế.

(5) Trường hợp có nhiều tờ khai, liệt kê chi tiết số tiền thuế theo từng tờ khai tại Phụ lục đính kèm.

(6) Điều 2 dùng để bù trừ khoản tiền được hoàn với khoản tiền phải nộp.

(7) Điều 3 áp dụng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng chưa hết, người nộp thuế đề nghị hoàn trả.

(8) Các bộ phận nghiệp vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** |  |

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC TỜ KHAI HOÀN THUẾ/KHÔNG THU THUẾ**

*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-.... ngày... tháng... năm... của....)*

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tin tờ khai hoàn thuế/ không thu thuế** | | **Loại thuế** | **Số tiền được hoàn/không thu** |
| **Số tờ khai** | **Ngày tờ khai** |  |
|  |  |  | Thuế xuất khẩu |  |
| Thuế nhập khẩu |  |
| Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp |  |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| Thuế bảo vệ môi trường |  |
| Thuế giá trị gia tăng |  |
| **Tổng cộng** | | |  |  |

*(Bằng chữ:...)*

**Mẫu số 14/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC(1) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… V/v đề nghị không thu thuế ... | *….., ngày … tháng … năm…* |

Kính gửi: ………………………. (2)

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế**

1. Tên người nộp thuế: ………………………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: …./…./... Nơi cấp: ...

Quốc tịch: …………………..

Địa chỉ: ………………………

Quận/huyện: …………………………..Tỉnh/thành phố: ……………………………….

Điện thoại: …………………Fax (nếu có): ... Email (nếu có): ....................................

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác: …………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: … Ngày cấp: …/…/…Nơi cấp: .............

Quốc tịch: …………………..

Địa chỉ: ………………………

Quận/huyện: …………………………..Tỉnh/thành phố: ……………………………….

Điện thoại: …………………Fax (nếu có): ... Email (nếu có): ....................................

Hợp đồng đại lý hải quan số: ……………………..          ngày ………………………

**II. Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế**

1. Số tờ khai: …………………………………        ngày... tháng... năm...

Nơi đăng ký tờ khai: ………………………………

Tên hàng, mô tả hàng hóa: ……………………………..

Số lượng: ………………………………….

Trị giá: …………………………….

2. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

□ Có, số chứng từ thanh toán:

□ Không.

3. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến:

□ Có.

□ Không.

**III. Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu**

1. Thông tin về tiền thuế

*Đơn vị: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **LOẠI THUẾ** | **Số tiền đề nghị không thu** |
| 1 | Thuế xuất khẩu |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |
| 3 | Thuế tự vệ |  |
| 4 | Thuế chống bán phá giá |  |
| 5 | Thuế chống trợ cấp |  |
| 6 | Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 7 | Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 8 | Thuế giá trị gia tăng |  |
| **Tổng cộng** | |  |

*(Bằng chữ:…)*

2. Lý do đề nghị không thu thuế: ……………………… (3)

3. Hồ sơ, tài liệu kèm theo: ……………………… (4)

Tổ chức, cá nhân cam đoan thông tin khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN**  Họ và tên:….. Chứng chỉ hành nghề số: .... | **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

***Ghi chú***

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền xử lý không thu thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Liệt kê tài liệu kèm theo.

**Mẫu số 15/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC(1) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… V/v đề nghị giảm thuế xuất khẩu/ nhập khẩu | *….., ngày … tháng … năm…* |

Kính gửi: ………………………. (2)

1. Tên tổ chức/cá nhân: ………………………………………

2. Mã số thuế: …………………………………

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: …/…/... Nơi cấp: ...

3. Địa chỉ: ……………………

4. Số điện thoại: …………………..        Fax (nếu có): ……………………

5. Nội dung đề nghị: ……………………………

6. Lý do đề nghị giảm thuế: ……………………………… (3)

7. Thông tin về tiền thuế đề nghị giảm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng, quy cách, phẩm chất** | **Số, ngày tờ khai hải quan** | **Đơn vị tính** | **Số lượng hàng hóa theo tờ khai hải quan** | **Trị giá tính thuế** | **Tỷ lệ tổn thất** | **Loại thuế** | **Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)** | **Số tiền thuế đề nghị giảm (VNĐ)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | |  |  |  |  |  |  |  |

*(Bằng chữ:...)*

Hồ sơ, tài liệu kèm theo: ……………………….. (4)

Tổ chức/cá nhân cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ... | **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

***Ghi chú:***

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ giảm thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Liệt kê tài liệu kèm theo.

**Mẫu số 16/TXNK**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH  VĂN BẢN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… V/v đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt | *….., ngày … tháng … năm…* |

Kính gửi: Tổng cục Hải quan/Ủy ban nhân dân…………………

Căn cứ Điều 85 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;(1)

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... của Chính phủ;(1)

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính;(1)

Căn cứ...,(1)

Cục Hải quan ……………..đã kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của Chi cục Hải quan ………….. đối với ……………..(2), mã số thuế ……………..

Lý do đề nghị xóa nợ: …………………

Thuộc trường hợp xóa nợ: ……………..(3)

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đủ điều kiện xóa nợ: ……………..(4)

Đề nghị Tổng cục Hải quan/Ủy ban nhân dân …………..xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu: VT ... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(2) Tên đối tượng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đề nghị xóa nợ.

(3) Nêu rõ xóa nợ thuộc trường hợp nào quy định tại Luật Quản lý thuế.

(4) Liệt kê tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.